

Số: **07/2021/QĐST - HNGĐ**

K, ngày 01 tháng 02 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

====***=====

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 198/2020/TLST - HNGĐ ngày 02/12/2020. Giữa :

- Nguyên đơn : Chị Trần Thị T, sinh năm 1993; ĐKKH tại : xóm 2, xã H, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Hiện đang tạm trú tại : xóm 14, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn : Anh Phạm Đức H, sinh năm 1987; ĐKKH và trú tại : xóm 2, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/01/2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/01/2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị T với anh Phạm Đức H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Giao chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Trần Thanh B, sinh ngày 17/01/2013 cho đến khi con chung thành niên. Giao anh Phạm Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con

chung là Phạm Trần Phương L, sinh ngày 08/12/2011 và Phạm Đức Gia B1, sinh ngày 16/02/2016 cho đến khi con chung thành niên. Chị T có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung Phạm Đức Gia B1, sinh ngày 16/02/2016 cho anh H mỗi tháng 1.000.000^d (Một triệu đồng) kể từ tháng 02/2021 đến khi con chung thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

- Về án phí: Chị Trần Thị T nộp 150.000^d án phí ly hôn và 150.000^d án phí tiền cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 0002482 ngày 02/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày anh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T không nộp số tiền phải nộp nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA huyện K;
- UBND xã Đ, H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Thị Khanh